VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần: Tâm lý thận trọng

Thanh khoản duy trì ở mức thấp

CPI tháng 7 của Mỹ hạ nhiệt



Tin tức vĩ mô trong nước



Triển vọng thị trường



Trần Thị Ngọc Hoà hoa.ttn@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

[Tóm tắt]

Thế giới

- **CPI tháng 7 của Mỹ hạ nhiệt tháng thứ 2 liên tiếp** xuống mức 3,4% YoY và CPI cơ bản giảm xuống 2,5% (lần lượt từ mức 3,5% YoY và 2,6% YoY trong tháng 6), **phù hợp kỳ vọng thị trường, củng cố kỳ vọng Fed giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 9.**

Việt Nam

- **Tiêu điểm tuần**:
    - **Ngày 13/8, Thủ tướng Lê Minh Hưng làm việc với Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các Tổ chức tín dụng (TCTD) về lãi suất, tín dụng, tỷ giá và an toàn hệ thống**. NHNN sẽ giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2027 cho các TCTD theo hướng giảm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với các TCTD không thực hiện đúng chỉ đạo của NHNN về việc giảm mặt bằng lãi suất.
- **Tỷ giá USD/VND giữ ổn định** (26.330; -0,4% WoW; -0,2% YTD). **Áp lực tỷ giá giảm bớt trong bối cảnh DXY hạ nhiệt** (+1,4% YTD).
- **Lãi suất qua đêm giảm xuống 4,38%** (-20bps WoW) tính đến ngày 13/8. Trong tuần 10–14/8, NHNN bơm 38 nghìn tỷ qua OMO.
- **Áp lực chốt lời tại vùng kháng cự quanh 1800, VN-Index đóng tuần tại 1729,08 (-2,2% WoW)**. **Một số yếu tố có thể hỗ trợ tâm lý thị trường**: 1) Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước; 2) Kỳ vọng tăng trưởng LNST toàn thị trường 2026 khoảng 20–22% YoY.
- **Định giá**: Mức tăng trưởng LNST ấn tượng (quý 1: +50% YoY; quý 2: 46% YoY) đã đưa mức định giá P/E thị trường về mức 13,1x (so với mức P/E trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn là 14x).
- **Ngưỡng hỗ trợ: 1650**. **Ngưỡng kháng cự: 1800**.

Bối cảnh toàn cầu: Dữ liệu CPI tháng 7 tiếp tục hạ nhiệt, củng cố kỳ vọng Fed giữ nguyên lãi suất

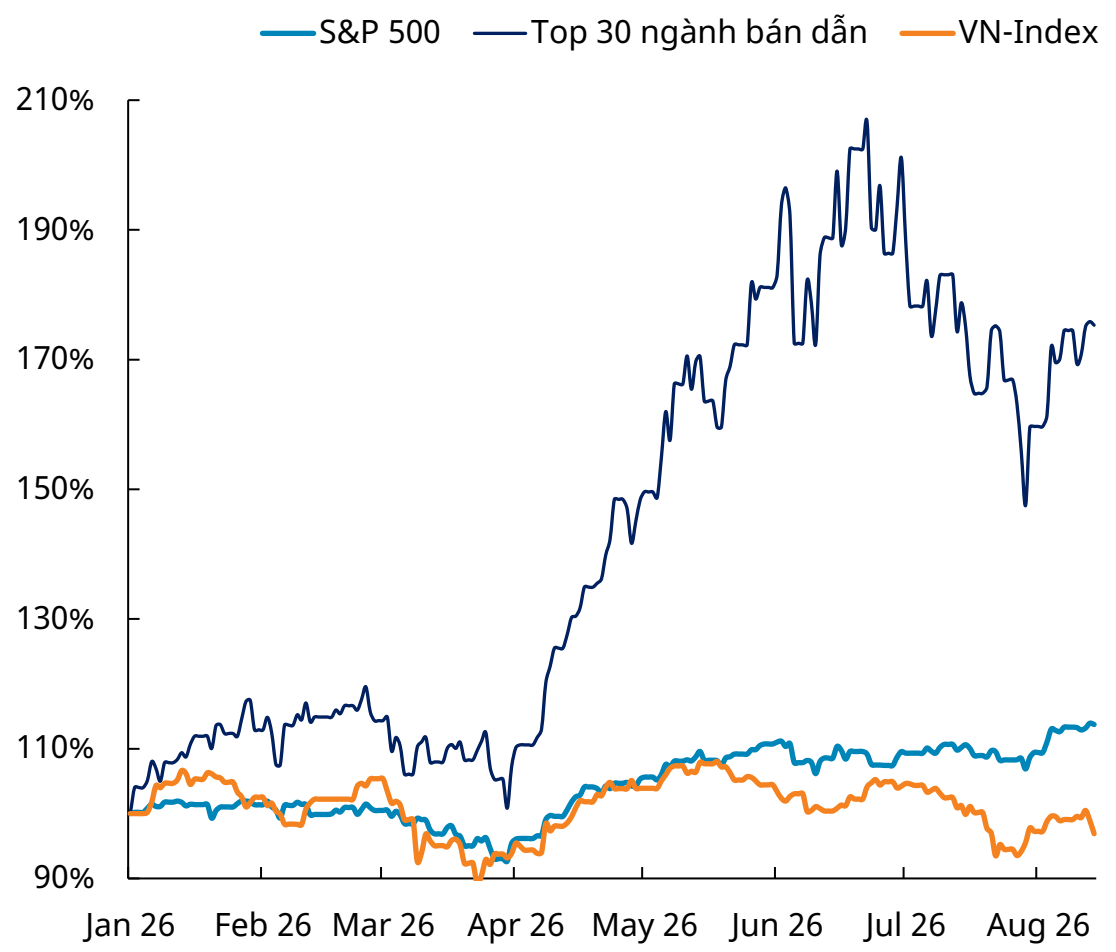
- **CPI tháng 7 của Mỹ hạ nhiệt tháng thứ 2 liên tiếp** xuống mức 3,4% YoY và CPI cơ bản giảm xuống 2,5% (lần lượt từ mức 3,5% YoY và 2,6% YoY trong tháng 6), **phù hợp kỳ vọng thị trường, củng cố kỳ vọng Fed giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 9.** Xác suất kỳ vọng Fed giữ nguyên lãi suất vào kỳ họp giữa tháng 9 tăng lên 67% (cập nhật vào 16/8) từ mức 56% (vào ngày 7/8), theo CME Fedwatch.

- **Mặc dù lạm phát tháng 7 hạ nhiệt như kỳ vọng nhưng lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ vẫn neo ở mức cao. Cụ thể, lợi suất** kỳ hạn 2 và 10 năm giảm không đáng kể lần lượt ở mức 4,2% và 4,7%.

- **Chứng khoán Mỹ tăng tích cực với chỉ số S&P 500 tạo đỉnh mới tại 7799 điểm, sau đó giảm nhẹ 0,2% từ mức đỉnh** sau dữ liệu về bán lẻ tháng 7 và Chỉ số niềm tin sơ bộ tháng 8 của Đại học Michigan thấp hơn kỳ vọng.

- **Sự kiện quan trọng sắp tới**:
  - **Biên bản cuộc họp FOMC**
  - **PMI tháng 8 sơ bộ** của Mỹ, Châu Âu, Anh, Nhật Bản

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index



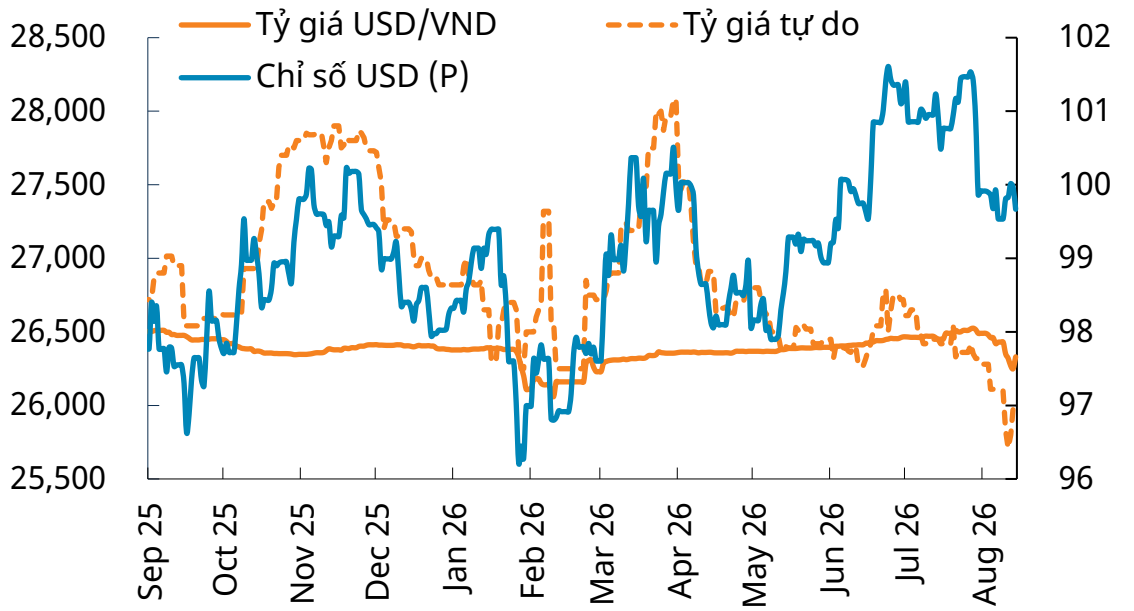
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **14/08/2026**

Áp lực tỷ giá giảm bớt

- **Chỉ số USD (DXY) dao động quanh ngưỡng 100 điểm, đóng cửa tuần ở mức 99,7 điểm (+0,1% WoW; +1.4% YTD).** Dữ liệu lạm phát và thị trường lao động tháng 7 của Mỹ hạ nhiệt giúp củng cố kỳ vọng Fed sẽ giữ nguyên lãi suất tại kỳ họp tháng 9 tới. Do đó, áp lực tỷ giá dự kiến sẽ giảm bớt.

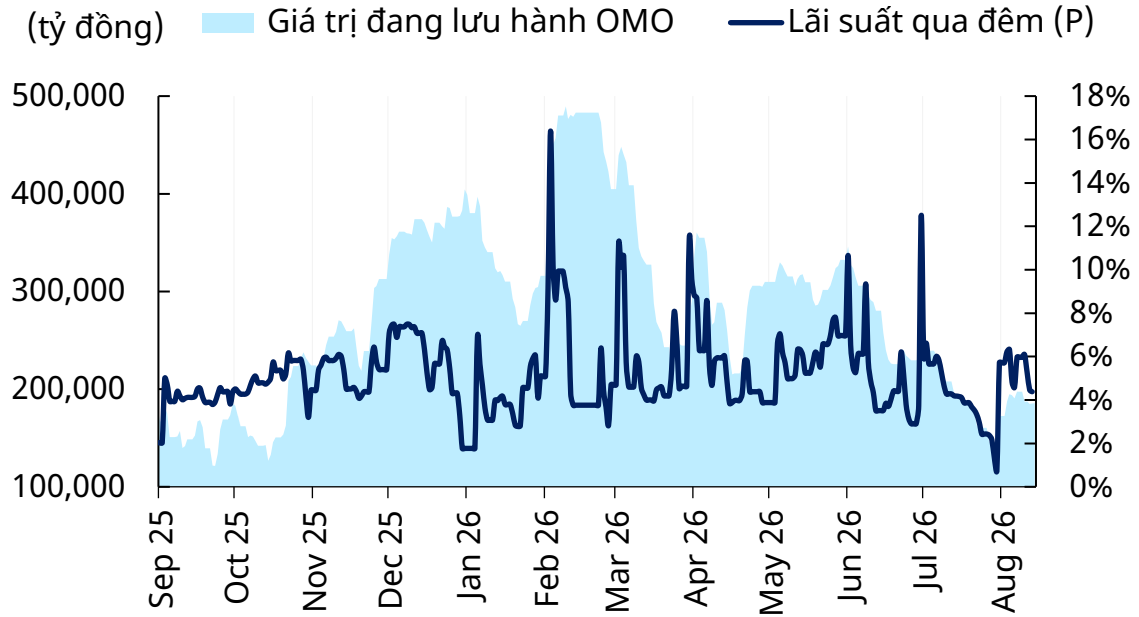
- **Tỷ giá USD/VND vẫn giữ ổn định**, với tỷ giá bán VCB ngày 14/8 là 26.330 (-0,4% WoW; -0,2% YTD); tỷ giá trên thị trường tự do tiếp tục hạ nhiệt xuống 25.950 (-0,6% WoW; -3,2% YTD). Trong tuần 10–14/8, NHNN bơm 38 nghìn tỷ đồng qua OMO (mua kỳ hạn 7–91 ngày) tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%; theo đó, **thanh khoản thị trường liên ngân hàng giảm 11,6 nghìn tỷ đồng**. Lãi suất qua đêm ngày 13/8 giảm xuống 4,38% (-20bps WoW).

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg. FiinPro. NHNN. cập nhật tới **14/08/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro. NHNN. **OMO cập nhật tới 14/08/2026. lãi suất liên ngân hàng cập nhật tới 13/08/2026**

Thị trường chú ý cuộc họp ngày 13/8 của Thủ tướng Lê Minh Hưng với Ngân hàng Nhà nước



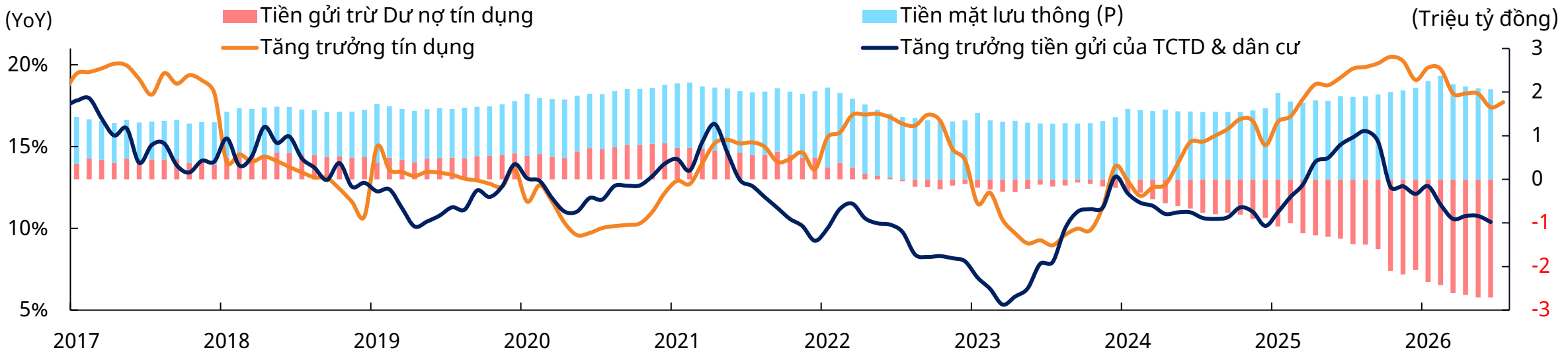
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu Fiinpro, **cập nhật tới 14/08/2026**

Bài toán đặt ra: Cân đối hai mục tiêu ổn định mặt bằng lãi suất và tăng trưởng tín dụng

- **Ngày 13/8, Thủ tướng Lê Minh Hưng làm việc với Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các Tổ chức tín dụng (TCTD) về lãi suất, tín dụng, tỷ giá và an toàn hệ thống**. NHNN sẽ giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2027 cho các TCTD theo hướng giảm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với các TCTD không thực hiện đúng chỉ đạo của NHNN về việc giảm mặt bằng lãi suất.

- **Chênh lệch tín dụng – huy động gây sức ép lên cân đối vốn và thanh khoản hệ thống.** Theo dữ liệu từ NHNN đến cuối tháng 6/2026, huy động thấp hơn cho vay tín dụng khoảng 2,7 triệu tỷ đồng (tương đương 13,4% tổng dư nợ tín dụng), trong khi lượng tiền mặt trong lưu thông duy trì ở mức cao (khoảng 2,1 triệu tỷ đồng).

Tính đến cuối tháng 6/2026, huy động thấp hơn cho vay khoảng 2,7 triệu tỷ đồng, trong khi lượng tiền mặt trong lưu thông duy trì ở mức cao



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN), **cập nhật tới 31/07/2026**

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1729,08 (-2,2% WoW) – Áp lực chốt lời tại vùng kháng cự quanh 1800

- **Áp lực chốt lời tại vùng kháng cự quanh 1800:** Sau khi hồi phục từ vùng 1650 (ngày 28/7), VN-Index đã chạm ngưỡng kháng cự 1800 vào ngày 13/8 và xuất hiện áp lực chốt lời lớn. Thị trường chú ý cuộc họp ngày 13/8 của Thủ tướng Lê Minh Hưng với NHNN, với trọng tâm **về lãi suất, tín dụng, tỷ giá và an toàn hệ thống**. Đáng chú ý, thị trường phản ứng tiêu cực trước thông tin NHNN sẽ giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2027 cho các TCTD theo hướng giảm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với các TCTD không thực hiện đúng chỉ đạo của NHNN về việc giảm mặt bằng lãi suất.

- **Thanh khoản duy trì ở mức thấp:** Thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp (dưới 15 nghìn tỷ/ngày) cho thấy tâm lý thị trường vẫn thận trọng chờ đợi tín hiệu bứt phá rõ ràng hơn.

    - **Ngân hàng**: Nổi bật là cổ phiếu TCB (+7,7% WoW)

    - **Bất động sản**: Điều chỉnh của nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC: -6,8% WoW; VHM: -6,6% WoW; VRE: -4% WoW)

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	8,418	100%	-2%	38%	-1%
Bất động sản	2,627	31%	-6%	46%	-12%
Ngân hàng	2,578	31%	0%	31%	0%
Tiêu dùng thiết yếu	599	7%	0%	23%	-13%
Dịch vụ tài chính	471	6%	-1%	46%	29%
Nguyên vật liệu	432	5%	-1%	54%	0%
Tiện ích	326	4%	0%	46%	13%
Tiêu dùng không thiết yếu	313	4%	4%	15%	-25%
Vận tải	278	3%	-1%	62%	16%
Xây dựng cơ bản	250	3%	0%	38%	9%
Dầu khí	203	2%	-2%	77%	26%
CNTT	125	1%	-4%	15%	-22%
Bảo hiểm	61	1%	-2%	46%	-33%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **14/08/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Tích lũy thận trọng

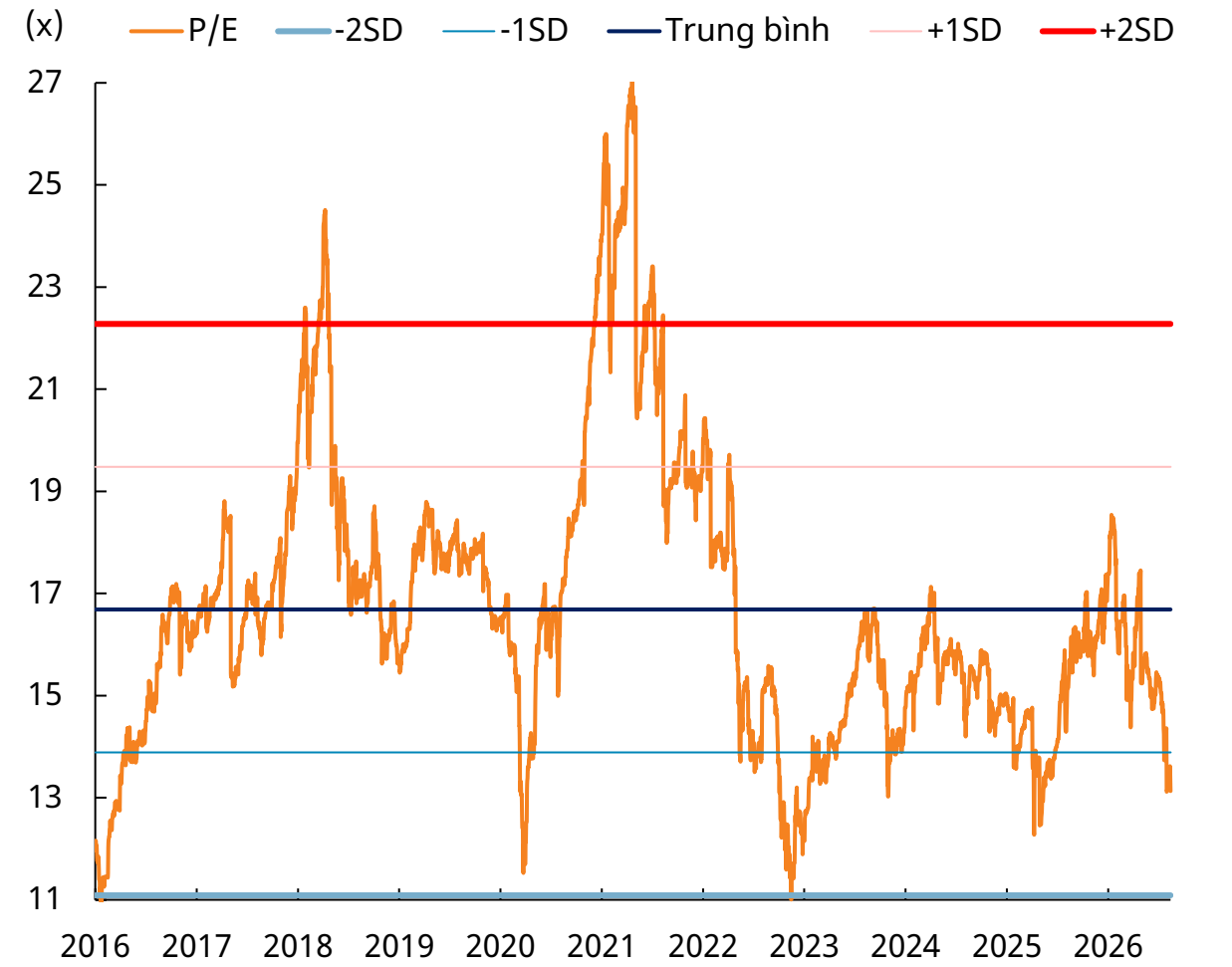
- **Nhịp hồi phục có thể được củng cố nếu có sự cải thiện hơn về thanh khoản. Một số yếu tố có thể hỗ trợ tâm lý thị trường**: 1) Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước; 2) Kỳ vọng tăng trưởng LNST toàn thị trường 2026 khoảng 20–22% YoY.

- **Theo dõi:** 1) Rủi ro bên ngoài (địa chính trị, thuế quan, chính sách tiền tệ của Fed); 2) NĐT nước ngoài tiếp tục bán ròng; 3) Tâm lý chờ đợi hiệu quả rõ ràng hơn từ một loạt các chính sách thúc đẩy kinh tế trong nước được ban hành, đặc biệt là về khơi thông dòng vốn.

- **Định giá: Mức tăng trưởng LNST ấn tượng (quý 1: +50% YoY; quý 2: 46% YoY) đã đưa mức định giá P/E thị trường về mức 13,1x (so với mức P/E trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn là 14x)**. Nhìn lại thống kê từ năm 2025 đến nay, đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

- **Ngưỡng hỗ trợ: 1650**. **Ngưỡng kháng cự: 1800**.

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **14/08/2026**.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		**8,418,167**	**50.3**	**1,729.08**	**1,806.77**	**1,717.64**	**-2.1**	**-2.2**	**-4.3**	**-10.2**	**13.1**	**2.0**	**16.2**	**13.3**	**30.2**
VN30 Index		**6,336,810**	**47.9**	**1,876.81**	**1,946.97**	**1,867.41**	**-1.7**	**-1.8**	**-3.6**	**-9.3**	**11.0**	**2.0**	**18.2**	**16.3**	**22.6**
VN100 Index		**7,680,773**	**50.3**	**1,795.69**	**1,869.10**	**1,787.07**	**-1.6**	**-1.5**	**-3.9**	**-10.0**	**11.0**	**1.6**	**15.7**	**14.5**	**29.0**
Bất động sản	VIC	1,555,542	30	200,400	219,700	195,000	-3.6	-6.8	-8.5	-12.8	68.1	9.1	14.2	3.2	44.8
	VHM	560,251	30	68,200	71,800	68,000	-5.0	-6.6	-3.1	-13.1	7.0	2.2	33.8	6.8	43.2
	VPL	133,601	15	74,500	82,800	74,500	-3.2	-5.7	-8.9	-17.0	53.0	3.5	6.8	6.3	42.7
	VRE	54,422	40	23,950	25,850	23,650	-2.6	-4.0	-6.4	-29.9	7.5	1.1	15.5	11.2	37.8
	BCM	44,557	4	43,050	47,050	42,600	-5.4	11.5	-8.5	-19.4	21.7	2.0	9.2	0.5	33.5
	NVL	31,827	55	13,250	13,700	11,950	-1.1	-4.7	8.6	-14.5	7.1	0.6	9.6	4.1	44.9
	KBC	25,380	65	26,950	28,600	26,650	-2.2	-3.8	-5.4	-17.3	22.0	1.0	4.7	7.3	41.7
	KDH	19,863	65	17,700	19,950	17,450	-0.3	-1.4	-11.1	-25.5	12.2	1.1	9.0	24.4	25.6
	VPI	19,459	50	60,800	62,500	59,500	0.2	-2.3	-1.6	-2.1	48.7	3.6	7.7	9.8	39.2
	DXG	14,583	80	11,500	12,450	10,750	6.0	7.5	-6.5	-18.1	72.6	1.0	1.4	0.6	49.4
	SJS	14,071	80	47,300	48,500	44,500	-0.1	0.2	-2.5	-15.2	23.1	3.7	17.4	18.0	32.0
	SIP	12,106	45	50,000	51,400	49,000	-1.8	-1.8	1.0	-8.9	8.8	2.5	27.6	9.9	39.1
	TAL	12,020	30	23,850	24,400	21,900	-3.4	-4.8	5.8	-24.0	14.8	2.1	16.2	2.4	46.6
	PDR	11,924	60	11,950	14,000	11,700	0.0	0.4	-14.0	-27.8	19.2	0.9	4.9	6.9	43.1
	NLG	11,062	80	22,800	25,650	22,450	1.3	2.7	-9.9	-15.4	18.5	0.9	5.3	38.2	11.9
	TCH	10,900	60	11,950	14,700	11,550	1.3	1.3	-16.4	-28.9	36.4	0.9	2.9	9.4	41.7
	DIG	8,601	95	10,800	12,750	10,550	1.4	0.9	-14.3	-27.3	11.1	0.9	8.3	2.4	46.6
	KOS	7,566	40	34,950	38,050	34,250	1.0	-0.4	-8.1	-10.2	282.1	3.2	1.1	0.1	48.9
	HDG	6,593	60	16,200	19,350	16,200	-0.6	-2.1	-15.4	-28.0	9.0	1.0	11.3	16.1	33.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **14/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Ngân hàng	VCB	488,807	11	58,500	59,600	58,500	-1.7	-2.0	-1.2	-4.1	11.7	2.0	18.0	20.1	9.9
	BID	278,462	6	38,250	40,500	37,950	-1.5	-2.0	-5.0	-12.2	8.4	1.4	16.5	17.5	12.5
	CTG	244,270	15	31,450	32,800	31,350	-2.2	-3.2	-3.5	-12.5	6.1	1.2	22.2	24.7	5.3
	TCB	226,760	55	32,000	32,300	31,450	0.9	7.7	-0.6	-5.9	8.4	1.3	16.1	20.5	2.0
	VPB	199,141	55	25,100	26,500	24,850	-1.0	0.4	-5.3	-12.4	6.7	1.1	18.3	23.0	7.0
	MBB	161,100	50	20,000	20,327	19,872	-0.7	0.0	-1.6	-6.6	6.5	1.3	22.1	22.2	1.0
	LPB	156,534	90	52,400	54,000	50,100	-2.6	-0.9	1.7	0.6	13.9	3.6	27.0	1.5	3.5
	STB	136,301	95	72,300	73,500	68,300	-1.1	-3.1	2.7	-1.8	22.3	2.2	5.0	11.1	18.9
	HDB	132,390	80	26,450	26,900	26,200	-0.9	-0.4	-1.3	-4.9	6.6	1.5	25.8	21.6	5.4
	ACB	128,568	85	22,150	23,100	22,100	-0.2	-1.1	-3.1	9.8	8.2	1.3	16.8	24.1	5.9
	SHB	62,789	75	11,750	12,800	11,450	-0.4	0.4	-8.2	-16.1	4.5	0.7	17.5	3.8	26.2
	SSB	51,603	55	15,050	15,900	14,800	-1.0	0.0	-5.3	8.6	17.8	1.2	7.1	0.3	29.7
	MSB	50,388	70	16,150	16,200	15,850	0.0	-0.3	-0.3	16.6	8.6	1.1	13.9	7.5	22.6
	VIB	49,018	55	14,400	15,750	14,400	-1.0	-1.7	-8.6	-10.3	6.6	1.0	16.2	3.3	1.7
	TPB	39,946	55	14,400	15,650	14,350	-0.3	-1.4	-7.1	-9.1	5.3	0.9	18.0	22.0	8.0
	OCB	33,688	30	11,000	11,000	10,700	0.0	5.8	0.5	11.5	7.6	0.9	12.9	1.3	28.7
	EIB	31,946	80	17,150	19,550	17,100	-2.0	-4.7	-12.1	-22.4	64.9	1.2	1.9	19.5	2.5
	NAB	24,088	80	11,700	13,100	11,600	-0.4	-0.8	-10.3	-6.0	5.1	0.9	19.9	1.0	29.0
Dịch vụ tài chính	TCX	108,620	15	39,150	41,950	39,000	-2.1	-0.4	-6.7	-7.9	17.4	2.4	16.1	9.1	90.9
	VCK	72,074	25	29,600	32,150	29,050	0.3	-2.5	-7.8	-10.8	10.0	2.4	19.3	3.7	96.3
	SSI	61,032	70	24,500	25,850	24,300	-2.0	0.2	-4.1	-12.8	12.0	1.5	13.9	30.3	69.7
	VPX	46,219	20	24,650	27,150	24,500	-2.6	-2.8	-8.9	-11.5	10.5	1.4	14.4	4.1	95.9
	HCM	34,019	55	25,200	25,800	23,630	-1.9	-0.6	6.3	1.9	23.5	2.1	10.7	34.2	14.9
	VIX	32,956	100	13,450	14,900	13,300	-3.2	-1.1	-8.5	-28.6	6.2	1.0	15.7	7.0	93.1
	VCI	25,119	75	21,800	23,900	21,450	0.9	0.2	-6.8	-16.0	15.6	1.5	9.8	8.8	91.2
	VND	24,737	75	16,250	17,800	16,150	-1.8	-2.4	-8.2	-0.9	9.2	1.2	13.1	17.1	82.9
	EVF	9,583	95	12,600	12,850	12,500	-0.8	2.0	-1.9	-8.4	10.2	0.9	9.4	10.7	89.4
	DSE	9,443	35	22,050	22,650	22,050	-2.4	-0.5	-2.6	-1.8	35.8	1.7	5.0	0.3	14.7
	FTS	8,366	40	21,950	26,050	21,500	0.7	0.5	-14.4	-9.7	19.9	1.9	9.7	24.6	75.4
	BSI	7,584	14	28,100	33,500	28,000	-0.9	-0.2	-14.8	-11.9	15.1	1.4	9.3	35.5	64.5
	CTS	6,098	25	22,400	27,150	22,250	-1.3	3.0	-17.5	2.0	16.2	2.1	14.0	0.4	48.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **14/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	48,251	10	65,000	66,400	57,500	-0.8	-2.8	10.9	-4.3	16.3	1.9	12.2	27.4	21.6
Xây dựng cơ bản	GEE	43,234	14	67,500	82,200	67,000	-5.6	0.6	-17.6	-45.6	12.1	5.4	47.9	1.1	48.9
	GEX	32,254	70	24,650	26,750	24,450	-3.0	0.4	-7.0	-29.9	23.5	1.6	8.0	6.5	43.5
	REE	28,591	35	45,900	46,650	45,800	-1.5	-2.5	-0.5	-12.8	10.8	1.3	12.8	49.0	0.0
	VGC	18,069	12	40,300	42,300	40,000	-0.7	4.7	-4.7	-8.4	12.7	2.2	16.3	0.9	48.1
	BMP	12,050	45	147,200	151,800	146,700	-1.5	-1.1	-2.5	-6.2	9.4	4.2	45.4	82.4	17.6
	VCG	11,031	55	15,800	17,950	15,700	0.0	1.0	-10.2	-21.5	2.9	1.0	39.0	2.0	47.0
	CTR	9,736	35	76,000	76,000	72,100	-1.0	-1.3	4.8	-0.6	14.9	4.3	30.9	5.2	43.8
	CII	9,374	95	13,950	16,700	13,750	0.4	1.5	-15.5	-27.2	95.4	1.0	1.0	3.6	36.4
	PC1	8,431	60	20,500	21,400	20,100	-1.0	-0.7	-4.0	13.6	8.2	1.3	16.6	8.5	41.5
	CTD	6,933	55	62,000	67,800	62,000	-0.5	-0.2	-8.1	-20.2	8.2	0.7	9.2	46.7	2.3
	HHV	5,499	85	10,050	10,650	10,000	-1.0	0.0	-5.6	-13.5	8.6	0.5	5.8	10.5	38.5
Nguyên vật liệu	HPG	179,414	60	21,250	22,500	21,200	-2.1	-3.4	-5.6	-13.6	7.7	1.3	17.6	21.7	27.3
	GVR	124,800	4	31,200	32,600	29,700	-4.4	4.9	2.3	-13.8	19.6	2.1	11.2	0.6	12.4
	DCM	16,147	25	30,500	33,900	30,350	-1.0	-3.5	-9.4	-29.2	7.0	1.4	21.3	5.7	43.3
	DPM	14,652	40	21,550	24,400	21,550	-1.6	-1.4	-11.7	-19.9	8.9	1.3	15.0	3.4	46.6
	HSG	8,517	70	10,550	11,600	10,550	-1.4	-1.9	-8.7	-13.5	13.0	0.7	5.7	3.2	45.8
	PHR	7,900	35	58,300	62,900	58,200	-1.2	-0.5	-7.3	-12.6	8.4	1.7	22.1	11.8	-11.8
	NKG	5,317	75	10,800	11,850	10,750	-2.3	-2.3	-8.5	-14.5	31.9	0.7	2.2	4.8	45.2
	HT1	4,961	25	13,000	13,300	12,500	-1.9	0.4	2.4	-8.5	12.8	1.0	7.7	2.1	46.9
Vận tải	VJC	94,752	35	123,200	133,900	121,700	-1.4	-1.8	-7.6	-7.5	43.0	3.6	8.7	6.2	23.8
	GMD	33,565	95	78,700	79,800	75,000	0.3	1.9	1.5	-3.2	14.1	2.4	18.3	40.1	8.9
	VTP	10,858	40	53,500	53,800	51,600	-1.1	3.9	1.9	-5.9	31.7	5.9	19.3	3.6	45.4
	VSC	5,466	95	14,600	16,050	14,300	1.7	-0.3	-8.2	-32.7	15.9	1.0	6.7	2.8	46.2

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **14/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	106,314	75	72,400	76,800	72,200	-1.6	2.0	-5.7	-14.0	10.8	3.0	30.2	49.0	0.0
	FRT	25,553	55	142,900	144,800	110,000	-2.7	8.3	25.8	10.3	22.5	5.3	29.7	33.3	15.7
	PNJ	18,678	90	36,500	46,900	35,250	3.4	1.4	-22.2	-47.5	6.5	1.3	21.2	44.2	4.8
	DGW	9,200	55	41,600	43,050	38,000	-3.6	5.6	6.7	-1.9	11.0	2.5	24.6	23.9	25.1
Tiêu dùng thiết yếu	MCH	178,853	20	136,800	139,900	133,900	-0.1	-0.1	-2.2	2.1	25.3	9.5	39.4	15.6	84.5
	VNM	128,741	40	61,600	62,600	55,200	0.0	-0.6	10.0	2.5	13.0	4.0	31.1	49.6	50.4
	MSN	96,823	60	66,300	68,400	65,800	-1.9	-1.6	-3.1	-16.2	14.3	2.5	19.5	24.1	75.9
	SAB	58,100	11	45,300	46,900	45,300	-1.2	1.2	-3.2	-3.6	12.6	3.0	23.0	58.8	41.2
	SBT	21,119	60	23,300	23,500	20,900	1.3	11.0	11.5	15.3	29.8	1.8	6.5	19.7	80.3
	HAG	17,807	50	14,050	14,650	13,850	-0.4	0.0	-4.1	-13.3	5.1	1.1	26.7	1.8	47.2
	KDC	14,204	45	51,400	51,500	49,300	-0.2	-0.4	2.8	6.0	29.7	2.4	8.0	13.7	36.3
	BAF	11,492	70	31,500	31,600	29,600	0.3	1.3	5.7	6.2	114.3	2.6	2.8	2.8	47.2
	VHC	11,394	40	54,400	57,500	54,000	0.6	5.8	-5.2	-11.1	8.4	1.2	15.4	18.5	81.5
	DBC	7,005	70	16,250	17,400	16,250	-1.8	-2.4	-5.8	-19.5	6.1	0.8	14.3	1.4	47.6
	PAN	5,039	45	20,100	21,750	20,100	-2.0	-3.4	-7.2	-23.5	4.1	0.9	22.6	21.8	27.2
	ANV	4,566	30	17,150	19,200	17,000	-2.6	-1.2	-8.8	-25.1	5.3	1.2	24.3	2.7	46.3
Dầu khí	BSR	126,935	8	25,350	27,450	25,350	-4.3	-3.2	-6.8	-16.2	6.4	1.7	30.1	1.2	47.8
	PLX	44,534	10	35,050	37,350	34,800	-1.5	-2.5	-4.8	-12.0	14.5	1.7	10.6	14.2	5.8
	PVD	16,653	50	17,950	19,900	17,900	-1.9	-0.6	-9.8	-9.9	17.1	1.0	5.8	8.7	41.3
	PVT	10,313	50	19,950	20,400	18,950	-0.3	8.7	3.9	-6.4	7.4	1.1	15.6	13.8	35.2
Tiện ích	GAS	183,384	5	76,000	79,200	74,900	-2.4	1.9	-3.2	-9.1	14.5	2.7	18.5	2.1	46.9
	POW	40,649	20	13,250	14,100	13,200	-1.9	-2.6	-6.0	-5.4	6.5	1.0	16.4	4.5	45.5
	BWE	11,110	25	44,200	44,900	44,031	-0.1	0.9	-0.3	3.1	11.2	1.6	15.7	2.3	46.8
	NT2	6,103	30	21,200	21,750	21,100	-1.6	-0.7	-1.9	-6.4	4.6	1.1	27.4	10.3	38.7
CNTT	FPT	117,088	85	68,300	70,900	68,000	-1.3	-3.5	-2.8	-7.6	11.6	2.9	27.3	27.4	21.6
	CMG	5,590	40	24,000	26,500	23,600	-1.2	-2.4	-8.6	-14.0	13.5	1.7	13.4	36.4	13.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **14/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.